

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT REUNION**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT REUNION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: REUNION MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: RMJ

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110256043

**3. Ngày thành lập:** 17/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

43 đường Việt Hùng, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912009334/0906164689

Fax:

Email: reunionmnf@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung..	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

4.	<p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc,</li> <li>+ Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ),</li> <li>+ Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối,</li> <li>+ Uôn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái các công trình nhà để ở,</li> <li>+ Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,</li> <li>+ Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> </ul> </li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul>	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá) Môi giới mua bán hàng hóa	4610
14.	Bán buôn thực phẩm	4632

15.	Bán buôn đồ uống (Loại trừ rượu và đồ uống nhà nước cấm)	4633
16.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết : Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh	4669

24.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội chợ, triển lãm, hội thảo, hội nghị, biểu diễn nghệ thuật, tổ chức sự kiện	8230
25.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
26.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
27.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản	6820
30.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo rượu, thuốc lá và các loại nhà nước cấm)	7310
31.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
32.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; Dịch vụ thiết kế đô thị; Hoạt động trang trí nội thất.	7410
33.	Cho thuê xe có động cơ	7710
34.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
35.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
36.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
37.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
39.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
40.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
41.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
42.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
43.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
44.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

45.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt... - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào dậu, vỉ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự;	2599
46.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
47.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
48.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu	4799
49.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4931
50.	Vận tải hành khách đường bộ khác Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
52.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
54.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
55.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
56.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
57.	Đại lý du lịch	7911
58.	Điều hành tua du lịch	7912
59.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
60.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100(Chính)
61.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
62.	Xây dựng nhà để ở	4101
63.	Xây dựng nhà không để ở	4102
64.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
65.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
66.	Xây dựng công trình điện	4221
67.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
68.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
69.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
70.	Xây dựng công trình thủy	4291
71.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
72.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
73.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
74.	Phá dỡ Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng	4311
75.	Chuẩn bị mặt bằng Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng	4312
76.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

77.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
80.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 800.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VĨNH PHÚC	Phó Tổng Duy Tân, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	280.000	2.800.000.000	35,000	2500597758	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	280.000	2.800.000.000	35,000		

2	NGUYỄN PHƯƠNG NGA	Tổ dân phố số 07, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	7,500	0011770435 29
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	7,500	
			3	MAI THỊ KIM DUNG	Căn 3506, toà A2 Vinhomes Gardenia Hàm Nghi, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	
Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0				0,000	
Các cổ phần ưu đãi khác	0	0				0,000	
Tổng số	200.000	2.000.000.000				25,000	
4	TRƯƠNG TRỌNG BẰNG	Thôn Xám, Xã Ngũ Kiên, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam				Cổ phần phổ thông	20.000
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	200.000.000	2,500	



5	NGUYỄN THỊ MUỖI	Thôn Lập Trí, Xã Minh Trí, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	5,000	0011880350 48
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	400.000.000	5,000	
			6	HỒ THỊ THU HIỀN	Thôn Cao Quang, Xã Cao Minh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	
Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0				0,000	
Các cổ phần ưu đãi khác	0	0				0,000	
Tổng số	40.000	400.000.000				5,000	
7	NGUYỄN VĂN HIỀN	Tổ 5, Phường Xuân Hoà, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam				Cổ phần phổ thông	40.000
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	400.000.000	5,000	

8	VŨ QUỐC HUY	Tổ 5, Phường Xuân Hoà, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	5,000	0350750019 40
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	40.000	400.000.000	5,000	
			9	NGUYỄN THẾ DŨNG	Tổ 4, Phường Trưng Trắc, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	
Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0				0,000	
Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0				0,000	
Các cổ phần ưu đãi khác	0	0				0,000	
Tổng số	80.000	800.000.000				10,000	

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MAI THỊ KIM DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 29/06/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026177002245

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Căn 3506, toà A2 Vinhomes Gardenia Hàm Nghi, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Căn 3506, toà A2 Vinhomes Gardenia Hàm Nghi, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội